

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

2. Ông Đỗ Đức Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Kim H, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Kim H1, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Triệu Kim H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Kim H1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 289/20..., ngày

14/11/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế mặc dù vợ chồng cũng nhiều lần tự hòa giải, thông cảm bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được nên cũng từ đầu năm 2022 bà H đã dẫn theo người con chung tên Huỳnh Kim N rời khỏi nhà, đi tìm nơi ở mới tại khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông H1 có 01 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 26/10/2009. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà H khẳng định có tài sản chung với ông H1 là quyền sử dụng thửa đất số 58.., tờ bản đồ số 6.., diện tích 353.5m², địa chỉ thửa đất tại thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4 nhưng không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khẳng định, bà và ông H1 không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Huỳnh Kim H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H1 đồng ý với lời trình bày của bà H về thời gian vợ chồng tự nguyện tìm hiểu yêu thương, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và sinh con, còn về mâu thuẫn của vợ chồng thì theo ông là do bà H có tình cảm với người đàn ông khác muốn ly hôn để làm thủ tục đi nước ngoài nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông H1 xác định giữa ông và bà H có 01 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 26/10/2009. Nếu tòa án giải quyết việc ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà H là vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H1 khẳng định giữa ông và bà H có vay nợ anh, em trong gia đình số tiền trên 06 tỷ đồng nên ông H1 yêu cầu bà H phải có trách nhiệm cùng trả số tiền nợ chung này.

Về tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập thể hiện:

- Tài liệu, chứng cứ của ông H1: Hợp đồng ủy quyền số công chứng 22.., quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25 tháng 10 năm 2021 (bản chụp); Hợp đồng ủy quyền lại số công chứng 60.., quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2022 (bản chụp); căn cước công dân và sổ hộ khẩu gia đình ông H1 (bản chụp).

- Tài liệu, chứng cứ của bà H: 01 tấm hình/ảnh, có kích thước 12cm x 17cm (bản chụp màu); Bản án số 90/2023/DS-PT, ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (bản sao).

- Tài liệu, chứng cứ của Tòa án thu thập: Bản án số 110/2022/DS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (bản chính);

đơn kháng cáo của ông Huỳnh Kim H1 (bản chụp); Thông báo về việc kháng cáo số 64/TB-TA, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bản chính).

Biên bản xác minh của Tòa án cho thấy: Ông H1 và bà H có đăng ký cư trú tại khu phố P1, thị trấn P nhưng thực tế sinh sống tại khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống tại đây thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận nhưng từ năm 2019 đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, địa phương không rõ là mâu thuẫn gì chỉ biết từ tháng 4 năm 2022 bà H đã dẫn theo người con chung tên Huỳnh Kim N rời khỏi nhà đi nơi khác sinh sống.

Tại phiên tòa: Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông H1, được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Ông H1 có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Công văn số 76/CV-VKS, ngày 28/7/2023 thông báo về việc không cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vì lý do công tác nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của các bên đương sự, trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án cũng như tài liệu, chứng cứ được Tòa án xác minh, thu thập thì các chứng cứ hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có đương sự nào phản đối. Bị đơn không có ý kiến gì khác và không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Yêu cầu của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Huỳnh Kim H1 với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế từ năm 2019 nhưng không thể tự hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau mâu thuẫn để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

không thể khắc phục được nên đến tháng 4 năm 2022 bà H đã dẫn theo người con tên Huỳnh Kim N rời khỏi nhà để đi tìm nơi ở mới, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Ngoài ra, hiện nay ông H1 cũng đang có quan hệ như vợ chồng với một người phụ nữ khác dù chưa giải quyết xong việc ly hôn với bà là vi phạm tình nghĩa vợ chồng, vi phạm luật hôn nhân và gia đình.

[4.1.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung vì hiện nay con đang sống cùng bà và không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4.1.3] Quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà H khẳng định có tài sản chung với ông H1 nhưng không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khẳng định giữa bà và ông H1 không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4.2] Xét lời trình bày của bị đơn:

[4.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Kim H1 thống nhất với lời trình bày của bà Triệu Kim H về việc giữa ông và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2007. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý với lý do bà H có tình cảm với người đàn ông khác và muốn ly hôn để làm thủ tục đi nước ngoài, thực tế vợ chồng vẫn hạnh phúc. Ông H1 chỉ đồng ý ly hôn sau khi vợ chồng thanh toán xong khoản nợ chung là số tiền hơn 06 tỷ đồng đã vay mượn của anh, em trong gia đình.

[4.2.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông H1 đồng ý giao con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 26/10/2009 cho bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nếu Tòa án giải quyết cho bà H và ông ly hôn còn về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì ông không đồng ý cấp dưỡng cho con chung.

[4.2.3] Quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà H và không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H1 trình bày và khẳng định vợ chồng có nợ chung thể hiện tại Hợp đồng ủy quyền số công chứng 22..., quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Hợp đồng ủy quyền lại số công chứng 60..., quyển số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2022 nên yêu cầu bà H phải có trách nhiệm đối với khoản nợ chung này.

[4.3] Xét lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Kim H và ông Huỳnh Kim H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 289/20..., ngày 14 tháng 11 năm 2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung giữa bà H và ông H1, ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án thể hiện bà H và ông H1 chung sống với nhau tại khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng hiện nay bà H

và ông H1 không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Bà H đã dẫn theo người con chung chuyển đến địa chỉ mới tại khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống và tự chăm sóc, nuôi dưỡng con từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông H1 biết rõ Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà ông được xác định là bị đơn nhưng ông H1 chỉ đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15 tháng 3 năm 2023; đến giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án vào tháng 4 năm 2023. Sau đó, ông H1 vắng mặt không có lý do nên cho thấy bản thân ông H1 không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp và do Tòa án thu thập cũng như thực tế xác minh tại địa phương cho thấy bà H và ông H1 đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Ông H1 không đồng ý ly hôn với bà H nhưng lại tự khẳng định bà H đang có tình cảm với người đàn ông khác và muốn ly hôn để làm thủ tục đi nước ngoài. Mặt khác, bà H cung cấp cho Tòa án 01 tấm hình/ảnh, có kích thước 12cm x 17cm thể hiện việc ông H1 vi phạm tình nghĩa vợ chồng là có thật nên có cơ sở không chấp nhận lời trình bày của ông H1 về việc không đồng ý ly hôn với bà H.

[4.3.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Nhận thấy, từ thời gian vợ chồng ly thân, con sống ổn định cùng bà H và được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo; bản thân con cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ thể hiện tại bản tự khai của con vào ngày 16 tháng 3 năm 2023; ông H1 cũng đồng ý giao con cho bà H nếu Tòa án giải quyết việc ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, ghi nhận nguyện vọng của con và ghi nhận sự tự nguyện của ông H1. Giao con chung tên Huỳnh Kim N cho bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4.3.3] Quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông H1 về việc không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung khi ly hôn.

- Về nợ chung: Theo lời trình bày của bà H và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp là Bản án số 90/2023/DS-PT, ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì việc vợ chồng bà không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở. Ông H1 chỉ có lời trình bày mà không có yêu cầu phản tố về việc nợ chung nhưng vẫn khẳng định vợ chồng có nợ chung thể hiện tại Hợp đồng ủy quyền số công chứng 22..., quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Hợp đồng ủy quyền lại số công chứng 60..., quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, đối với 02 Hợp đồng ủy quyền này đã được Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm giải quyết tại Bản án số 110/2022/DS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và tại Bản án số 90/2023/DS-

PT, ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo đó, tại phần quyết định của 02 bản án đều tuyên vô hiệu đối với 02 Hợp đồng ủy quyền mà ông H1 cho rằng đây là tài liệu, chứng cứ của việc nợ chung. Như vậy, ngoài lời trình bày của ông H1 về việc nợ chung của vợ chồng và việc tự xác nhận vợ chồng có nợ chung theo 02 Hợp đồng ủy quyền nêu trên thì ông H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh về việc nợ chung giữa ông H1 và bà H trong thời kỳ hôn nhân nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Triệu Kim H ly hôn ông Huỳnh Kim H1.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 26/10/2009 cho bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

3. Quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông H1 về việc không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung khi ly hôn.

- Về nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Ông H1 không có yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Triệu Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011674, ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- UBND thị trấn P, huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến